

Bạc Liêu, ngày 30 tháng 8 năm 2023

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Với phương châm:

**“ĐOÀN KẾT - KỶ CƯƠNG - ĐỔI MỚI - SÁNG TẠO
- KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN”**

Tập thể Lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cam kết:

1. Thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, thỏa mãn yêu cầu của tổ chức, công dân trên địa bàn tỉnh.
2. Bộ máy, tổ chức của Sở tinh gọn, trong sạch có đủ phẩm chất và năng lực để phục vụ tốt các tổ chức, công dân; thực hiện đổi mới toàn diện công tác quản lý trong các bộ phận chuyên môn thuộc Sở.
3. Công chức, viên chức, người lao động được làm việc trong môi trường thuận lợi để phát huy trí tuệ, năng lực, đạt năng suất và chất lượng cao trong thực thi công vụ.
4. Tăng cường mối liên hệ và phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong công tác quản lý, điều hành, thực thi nhiệm vụ đảm bảo kịp thời, chính xác, hợp pháp, hiệu quả đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của tổ chức và công dân.
5. Quy trình xử lý, giải quyết công việc hợp lý, rõ ràng, thống nhất, công khai và đúng pháp luật, có hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Nhận định kịp thời các rủi ro, cơ hội và có hành động giải quyết phù hợp.
6. Thường xuyên duy trì và cải tiến hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015./.

GIÁM ĐỐC *thư*



Nguyễn Bình Thuận



Bạc Liêu, ngày 30 tháng 8 năm 2023

MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG NĂM 2023

Tập thể cán bộ, công chức Sở phấn đấu thực hiện các mục tiêu:

1. Phấn đấu 90% các chỉ tiêu của Sở hoàn thành đúng thời hạn. Tổ chức quán triệt chặt chẽ 100% cán bộ, công chức về các nội dung cần tuân thủ và thực hiện theo kế hoạch “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị của Sở” và đảm bảo theo đúng phương châm của Chính phủ “Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”.
2. Tuân thủ chặt chẽ sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về chương trình cải cách hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin về việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình. Cam kết giải quyết thủ tục hành chính đối với các lĩnh vực đảm bảo trước hẹn 10%, đúng hẹn 90% theo quy định.
3. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo tinh gọn, tập trung nâng cao trách nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức phải hiểu dân, vì dân; phấn đấu đánh giá cán bộ, công chức cuối năm 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó 20% xếp loại xuất sắc; 70% cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của Sở.
4. Tiếp nhận các phản hồi, khiếu nại và mọi ý kiến đóng góp của tổ chức, cá nhân về kết quả giải quyết thủ tục hành chính, xử lý triệt để 100% các trường hợp vi phạm theo đúng nội dung thông tin.

GIÁM ĐỐC *Như*



Nguyễn Bình Thuận





KẾ HOẠCH THỰC HIỆN
Mục tiêu chất lượng - năm 2023

1. Mục tiêu 1: Phân đầu 90% các chỉ tiêu hoàn thành đúng thời hạn. Tổ chức tuyên truyền, quán triệt 100% cán bộ, công chức các nội dung cần tuân thủ và thực hiện theo kế hoạch “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị của Sở” và đảm bảo theo đúng phương châm của Chính phủ “Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”

STT	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian hoàn thành	Kết quả dự kiến
1.	Phân giao chỉ tiêu cụ thể đến các phòng và yêu cầu xây dựng kế hoạch hành động để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu	Lãnh đạo Sở	Thường xuyên	Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu
2.	Xây dựng kế hoạch, tài liệu tổ chức tuyên truyền, quán triệt	Văn phòng Sở	Thường xuyên	Kế hoạch và tài liệu tuyên truyền
3.	Trình lãnh đạo phê duyệt	Lãnh đạo Sở Văn phòng Sở	Sau hoàn thành kế hoạch	Kế hoạch và tài liệu tuyên truyền
4.	Triển khai thực hiện theo kế hoạch, đánh giá mức độ thông hiểu của cán bộ, công chức	Văn phòng Sở Lãnh đạo các phòng chuyên môn	Theo kế hoạch	Cán bộ, công chức thông hiểu
5.	Kiểm soát việc tuân thủ thực hiện, nhắc nhở hoặc có hình thức xử lý kịp thời khi có vi phạm	Văn phòng Sở Lãnh đạo các phòng chuyên môn	Khi có phát sinh các vi phạm	Biên bản hoặc văn bản nhắc nhở, khiển trách

2. Mục tiêu 2: Tuân thủ chặt chẽ sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về chương trình cải cách hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin về việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình. Cam kết giải quyết thủ tục hành chính đối với các lĩnh vực đảm bảo trước hẹn 10%, đúng hẹn 90% theo quy định.

STT	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian hoàn thành	Kết quả dự kiến
1.	Tiếp tục cải tiến, mở rộng các thủ tục, quy trình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015	Văn phòng Sở Các phòng chuyên môn	Thường xuyên	Các quy trình chuẩn để bám sát thực hiện
2.	Tăng cường tuân thủ và áp dụng các mẫu kiểm soát quy định theo Nghị định 30/2021/NĐ-CP	Bộ phận một cửa Các phòng chuyên môn	Thường xuyên cho từng hồ sơ	Sử dụng triệt để các biểu mẫu quy định
3.	Thực hiện cảnh báo kịp thời khi có nguy cơ chậm thời gian giải quyết hoặc sắp hết thời gian để trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	Bộ phận một cửa Các phòng chuyên môn	Khi có nguy cơ chậm	Điện thoại, email hoặc trên hệ thống
4.	Phải có bằng chứng khách quan khi việc chậm muộn là do cơ quan bên ngoài hoặc tổ chức/cá nhân, bắt buộc ra văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân nếu do nội bộ gây ra (<i>dù thời gian là 5 - 10 phút</i>)	Bộ phận một cửa Các phòng chuyên môn	Khi có phát sinh	Văn bản chứng minh hoặc xin lỗi

3. Mục tiêu 3: Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo tinh gọn, tập trung nâng cao trách nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức phải hiểu dân, vì dân; phấn đấu đánh giá cán bộ, công chức cuối năm 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó 20% xếp loại xuất sắc; 70% cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của Sở.

STT	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian hoàn thành	Kết quả dự kiến
1.	Lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nhận thức cho cán bộ, công chức	Văn phòng Sở Lãnh đạo Sở	Quý III/2023	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng
2.	Xác định và xây dựng các quy định về chức năng, nhiệm vụ, bảng mô tả công việc (<i>nếu cần</i>) và giao nhiệm vụ cho từng vị trí công tác	Các phòng chuyên môn	Khi có phát sinh	Quy định chức năng nhiệm vụ, bảng mô tả công việc
3.	Bố trí và phân công công việc cụ thể tại các phòng chuyên môn	Lãnh đạo Sở Lãnh đạo các phòng chuyên môn	Thường xuyên	Các vị trí rõ người, rõ việc

4.	Phổ biến nội quy, quy chế trong hoạt động của Sở để cán bộ, công chức thấu hiểu và tuân thủ	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo các phòng chuyên môn	Thường xuyên	Thấu hiểu nội quy, quy chế
5.	Đăng ký hoặc tổ chức các hoạt động bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ	Lãnh đạo các phòng chuyên môn	Thường xuyên	Tổ chức các lớp tập huấn theo kế hoạch
6.	Đánh giá chặt chẽ mức độ hoàn thành công việc, chấp hành các quy định trong năm	Lãnh đạo các phòng chuyên môn	Cuối năm	Văn bản đánh giá

4. Mục tiêu 4: Tiếp nhận các phản hồi, khiếu nại và mọi ý kiến đóng góp của tổ chức, cá nhân về kết quả giải quyết TTHC, xử lý triệt để 100% các trường hợp vi phạm theo đúng nội dung thông tin.

STT	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1.	Xây dựng phương pháp thu thập ý kiến đóng góp của tổ chức, công dân	Bộ phận một cửa	Thường xuyên	Hệ thống phiếu lấy ý kiến và báo cáo định kỳ
2.	Tiếp nhận mọi thông tin phản hồi, khiếu nại hoặc góp ý kiến dù là nhỏ nhất. Thành lập ban xác minh cụ thể để có hướng giải quyết, xử lý kịp thời	Lãnh đạo Sở Bộ phận tiếp nhận thông tin	Thường xuyên	Sổ tiếp nhận thông tin
3.	Thực hiện xử lý nghiêm minh mọi trường hợp (nếu có vi phạm) theo thông tin từ tổ chức, cá nhân.	Lãnh đạo Sở	Thường xuyên	Các biên bản xử lý

BIỆN PHÁP THEO DÕI THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG NĂM 2023

1. Định kỳ 06 tháng/lần, các phòng chuyên môn tổng hợp báo cáo lãnh đạo Sở kết quả Mục tiêu chất lượng đã cam kết.
2. Ban chỉ đạo ISO kiểm tra, giám sát kết quả đạt được mục tiêu theo kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất.
3. Thực hiện kịp thời các hành động khắc phục và phòng ngừa khi mục tiêu chất lượng không được đảm bảo.

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành và áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng
theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Theo đề nghị của Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành và áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào các hoạt động quản lý và giải quyết TTHC tại Sở bắt đầu kể từ ngày 21/11/2023 (đính kèm phụ lục).

Điều 2. Trưởng các phòng, ban, đơn vị và ban chỉ đạo ISO có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn công chức, viên chức, người lao động tổ chức triển khai áp dụng, tuân thủ chặt chẽ tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng đã được phê duyệt.

Điều 3. Văn phòng Sở, các phòng, đơn vị, cán bộ, công chức, người lao động và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký thay thế Quyết định số 698/QĐ-STNMT ngày 30/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành và áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 ./.

Nơi nhận: *thư*

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc Sở (để chỉ đạo);
- Các phòng chuyên môn (để thực hiện);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bình Thuận



DANH MỤC
TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015
(Kèm theo Quyết định số 374/QĐ-STNMT ngày 21/11/2023)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ghi chú
I. Thủ tục theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng				
1.	Chính sách chất lượng	CSCCL	01	Công bố theo Quyết định số 698/QĐ-STNMT ngày 30/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	01	
3.	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	BMT	01	
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)	QT-01	01	
5.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-02	01	
6.	Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng	QT-03	01	
7.	Quy trình kiểm soát và xử lý công việc không phù hợp	QT-04	01	
8.	Quy trình thực hiện hành động khắc phục	QT-05	01	
9.	Quy trình xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng	QT-06	01	
II. Quy trình giải quyết TTHC				
1. Lĩnh vực Khí tượng Thủy văn				
10.	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	QT-01/KTTV	02	
11.	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	QT-02/KTTV	02	
12.	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	QT-03/KTTV	02	
2. Lĩnh vực Khoáng sản				
13.	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản	QT-01/KS	02	

	phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đổ) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch			
14.	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	QT-02/KS	02	
15.	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	QT-03/KS	02	
16.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	QT-04/KS	02	
17.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	QT-05/KS	02	
18.	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	QT-06/KS	02	
19.	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	QT-07/KS	02	
20.	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	QT-08/KS	02	
21.	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	QT-09/KS	02	
22.	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	QT-10/KS	02	
23.	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	QT-11/KS	02	
24.	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	QT-12/KS	02	
25.	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	QT-13/KS	02	
26.	Đóng cửa mỏ khoáng sản	QT-14/KS	02	
27.	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	QT-15/KS	02	
28.	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	QT-16/KS	02	
29.	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	QT-17/KS	02	
3. Lĩnh vực Biển				
30.	Giao khu vực biển	QT-01/BIEN	02	
31.	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	QT-02/BIEN	02	
32.	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	QT-03/BIEN	02	

33.	Trả lại khu vực biển	QT-04/BIEN	02	
34.	Công nhận khu vực biển	QT-05/BIEN	02	
4. Lĩnh vực Tài nguyên nước				
35.	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	QT-01/TNN	02	
36.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	QT-02/TNN	02	
37.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	QT-03/TNN	02	
38.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	QT-04/TNN	02	
39.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm	QT-05/TNN	02	
40.	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước	QT-06/TNN	02	

	biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm			
41.	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước)	QT-07/TNN	02	
42.	Lấy ý kiến cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	QT-08/TNN	02	
43.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	QT-09/TNN	02	
44.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành cấp tỉnh	QT-10/TNN	02	
45.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	QT-11/TNN	02	
46.	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT-12/TNN	02	
47.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT-13/TNN	02	
48.	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT-14/TNN	02	
49.	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển	QT-15/TNN	01	
50.	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT-16/TNN	01	
51.	Trả lại giấy phép tài nguyên nước	QT-17/TNN	01	

Số: 391/QĐ-STNMT

Bạc Liêu, ngày 06 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;

Căn cứ Bản xác nhận của Giám đốc Sở về việc Hệ thống quản lý chất lượng có hiệu lực;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bạc Liêu phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Sở; Thành viên Ban Chỉ đạo ISO; Thủ trưởng các phòng, đơn vị và công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *lhn*

- Như Điều 3;
 - UBND tỉnh;
 - Sở KH&CN;
 - Ban Giám đốc Sở;
 - Lưu: VT.
- } để b/c

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bình Thuận

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TỈNH BẮC LIÊU ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN
QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Kèm theo Quyết định số 391/QĐ-STNMT ngày 06 tháng 12 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên tài liệu
I. Lĩnh vực Khí tượng Thủy văn (03 thủ tục)	
1.	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
2.	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
3.	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
II. Lĩnh vực Khoáng sản (17 thủ tục)	
4.	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch
5.	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản
6.	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình
7.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản
8.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt
9.	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản
10.	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản
11.	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản
12.	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản
13.	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản
14.	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản
15.	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản
16.	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản
17.	Đóng cửa mỏ khoáng sản
18.	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
19.	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

20.	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
III. Lĩnh vực Biển (05 thủ tục)	
21.	Giao khu vực biển
22.	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển
23.	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển
24.	Trả lại khu vực biển
25.	Công nhận khu vực biển
IV. Lĩnh vực Tài nguyên nước (17 thủ tục)	
26.	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm
27.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm
28.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm
29.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm
30.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm
31.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm
32.	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước
33.	Lấy ý kiến UBND cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên
34.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành
35.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành cấp tỉnh

36.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
37.	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
38.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
39.	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
40.	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển
41.	Đăng ký khai thác nước dưới đất
42.	Trả lại giấy phép tài nguyên nước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN CÔNG BỐ
SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TỈNH BẠC LIÊU**

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Tài nguyên môi trường
tỉnh Bạc Liêu phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN
ISO 9001:2015 đối với hoạt động quản lý nhà nước**
*(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 391/QĐ-STNMT
ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Bạc Liêu, ngày 06 tháng 12 năm 2023

GIÁM ĐỐC *Như*



Nguyễn Bình Thuận

Bạc Liêu, ngày 06 tháng 12 năm 2023

BẢN XÁC NHẬN

Hiệu lực của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bạc Liêu

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;

Theo đề nghị của Thư ký Ban chỉ đạo ISO.

XÁC NHẬN

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bạc Liêu có hiệu lực đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính theo đúng tiêu chuẩn quốc gia và mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng của Bộ Khoa học và Công nghệ./.

Nơi nhận: *thư*

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở KH&CN (để tổng hợp);
- GĐ, các PGĐ Sở (để chỉ đạo);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bình Thuận